

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 99 /UBND - HCC

Kiên Giang, ngày 27 tháng 01 năm 2021

V/v hướng dẫn báo cáo tình hình và kết quả thực hiện công tác kiểm soát TTHC, triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.

Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh;
- Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh;
- Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc;
- UBND các huyện, thành phố;
- UBND các xã, phường, thị trấn.

Thực hiện Điều 10, Thông tư số 01/2020/TT-VPCP ngày 21 tháng 10 năm 2020 của Văn phòng Chính phủ quy định chế độ báo cáo định kỳ và quản lý, sử dụng, khai thác Hệ thống thông tin báo cáo của Văn phòng Chính phủ. Để đảm bảo thực hiện thống nhất các nội dung báo cáo tình hình và kết quả thực hiện công tác kiểm soát TTHC, triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử quy định trong Thông tư số 01/2020/TT-VPCP. Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các đơn vị thực hiện như sau:

**1. Nội dung yêu cầu báo cáo:**

Bao gồm tình hình, kết quả thực hiện các nhiệm vụ sau:

- a) Đánh giá tác động thủ tục hành chính quy định tại dự thảo văn bản quy phạm pháp luật ;
- b) Thẩm định, thẩm tra thủ tục hành chính quy định tại dự thảo văn bản quy phạm pháp luật;
- c) Công bố, công khai thủ tục hành chính, danh mục thủ tục hành chính;
- d) Rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính;
- đ) Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định, thủ tục hành chính;
- e) Giải quyết thủ tục hành chính;



g) Triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

h) Thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

i) Truyền thông hỗ trợ hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính;

k) Nghiên cứu, đề xuất sáng kiến cải cách thủ tục hành chính;

l) Kiểm tra thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

m) Khó khăn, vướng mắc và đề xuất, kiến nghị.

**2. Tần suất thực hiện báo cáo:** Quý I, quý II, quý III và hằng năm.

**3. Thời gian chốt số liệu báo cáo:** Theo quy định tại các khoản 2 và 4 Điều 12 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP. Cụ thể:

Báo cáo định kỳ hằng quý: Tính từ ngày 15 của tháng trước kỳ báo cáo đến ngày 14 của tháng cuối quý thuộc kỳ báo cáo. Cụ thể:

- Báo cáo Quý I: Số liệu được tính từ ngày 15/12 của năm trước đến ngày 14/3 của kỳ báo cáo.

- Báo cáo Quý II: Số liệu được tính từ ngày 15/3 đến ngày 14/6 của kỳ báo cáo.

- Báo cáo Quý III: Số liệu được tính từ ngày 15/6 đến ngày 14/9 của kỳ báo cáo.

Báo cáo định kỳ hằng năm: Tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo.

**4. Đối tượng thực hiện báo cáo, cơ quan nhận báo cáo, quy trình và thời hạn gửi báo cáo:**

a) Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện **chậm nhất vào ngày 17 của tháng cuối quý thuộc kỳ báo cáo;**

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp, duyệt, gửi báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh **chậm nhất vào ngày 19 của tháng cuối quý thuộc kỳ báo cáo;**

c) Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh duyệt, gửi báo cáo Văn phòng Chính phủ **chậm nhất vào ngày 22 của tháng cuối quý thuộc kỳ báo cáo.**

**5. Mẫu đề cương, biểu mẫu số liệu báo cáo:** Theo hướng dẫn tại Phụ lục I, II, III kèm theo Công văn này.

**6. Chính lý, bổ sung báo cáo:**

Việc chỉnh lý, bổ sung báo cáo được áp dụng trong trường hợp thông tin, số liệu trong báo cáo bằng văn bản giấy hoặc điện tử còn thiếu hoặc chưa đảm bảo tính chính xác, hợp lý.

Việc chỉnh lý, bổ sung báo cáo được thể hiện bằng văn bản giấy hoặc văn bản điện tử, báo cáo điện tử trên Hệ thống quản lý và đánh giá về kiểm soát thủ tục hành chính, trong đó ghi rõ thời gian lập báo cáo và có chữ ký, đóng dấu hoặc xác nhận bằng chữ ký số theo đúng quy định pháp luật của người có thẩm quyền ký, ban hành báo cáo tại nơi lập báo cáo.

Công văn này áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2021. Thay thế: Phần III Công văn số 74/UBND-KSTT ngày 19 tháng 01 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố, công khai và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính, Công văn số 3051/VP-KSTT ngày 11/6/2018 của Văn phòng UBND tỉnh về báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan phản ánh kịp thời về Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh để tổng hợp nghiên cứu, giải quyết./. 42

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP, CVNC, Trung tâm PVHCC;
- Lưu: VT, phmanh.

**KT, CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Đức Chín**



Phụ lục I

**ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO SỐ LIỆU BÁO CÁO CÔNG TÁC  
KIỂM SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, TRIỂN KHAI CƠ CHẾ MỘT CỬA,  
MỘT CỬA LIÊN THÔNG VÀ THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRÊN  
MÔI TRƯỜNG ĐIỆN TỬ**

*(Ban hành kèm theo Công văn số: 99 /UBND-HCC ngày 27 tháng 01 năm 2021  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)*

**A. ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO**

**Mẫu:**

**II.01-ĐC/VPCP/KSTT**

**ĐỀ CƯƠNG**

**BÁO CÁO CÔNG TÁC KIỂM SOÁT  
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, TRIỂN  
KHAI CƠ CHẾ MỘT CỬA, MỘT CỬA  
LIÊN THÔNG VÀ THỰC HIỆN THỦ  
TỤC HÀNH CHÍNH TRÊN MÔI  
TRƯỜNG ĐIỆN TỬ**

**- Đơn vị báo cáo<sup>1</sup>:**

+ Các Sở, ban, ngành thuộc  
UBND tỉnh;

+ BQL KKT tỉnh;

+ BQL KKT Phú Quốc;

**- Đơn vị nhận báo cáo:**

+ Văn phòng UBND tỉnh.

**I. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ KIỂM SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC)**

**1. Đánh giá tác động TTHC quy định tại dự thảo văn bản quy phạm  
pháp luật (Sở Tư pháp báo cáo nội dung này)**

- Số lượng TTHC đã được đánh giá tác động trong kỳ báo cáo: .....

- Số lượng TTHC được ban hành trong kỳ báo cáo đã được đánh giá tác động:

*Biểu số II.01b/VPCP/KSTT*

**2. Thẩm định, thẩm tra TTHC quy định tại dự thảo văn bản QPPL  
(Sở Tư pháp báo cáo nội dung này)**

Nêu tổng số TTHC và tổng số văn bản QPPL trong kỳ báo cáo do bộ, cơ  
quan mình chủ trì thực hiện việc thẩm định<sup>2</sup>.

*Biểu số II.02c/VPCP/KSTT*

**3. Công bố, công khai TTHC, danh mục TTHC (Văn phòng UBND  
tỉnh báo cáo nội dung này)**

- Tổng số Quyết định công bố TTHC/danh mục TTHC đã được ban hành  
trong kỳ báo cáo:

- Tổng số văn bản QPPL có quy định TTHC được công bố:

<sup>1</sup> Các Sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh, BQL KKT tỉnh, BQL KKT Phú Quốc báo cáo UBND tỉnh và không  
thực hiện báo cáo đối với các mục không thuộc chức năng, nhiệm vụ được giao.

<sup>2</sup> Các văn bản QPPL thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh và UBND tỉnh sẽ do Sở Tư pháp báo cáo về việc thẩm định.

- Tổng số TTHC/danh mục TTHC được công bố.... ; trong đó số TTHC được công khai.....

- Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền quản lý, theo dõi của cơ quan tính đến thời điểm báo cáo:.....; trong đó số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan:.....; trong đó: số TTHC do Trung ương quy định:.....; số TTHC do địa phương quy định:....

*Biểu số II.03b/VPCP/KSTT*

#### **4. Rà soát, đơn giản hóa TTHC**

- Tổng số TTHC cần rà soát, đơn giản hóa theo Kế hoạch (Kế hoạch của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch của bộ, cơ quan/UBND cấp tỉnh):....

- Tổng số TTHC đã được rà soát, thông qua phương án đơn giản hóa:....

- Phương án đơn giản hóa cụ thể: số TTHC giữ nguyên:....; số TTHC bãi bỏ:....; số TTHC sửa đổi, bổ sung:....; số TTHC thay thế:....; số TTHC liên thông: ...; số TTHC có giải pháp để thực hiện trên môi trường điện tử:....

- Số tiền tiết kiệm được:....

- Tỷ lệ chi phí tiết kiệm được:....

- Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch rà soát, đơn giản hóa:....

*Biểu số II.04/VPCP/KSTT*

#### **5. Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định, TTHC**

- Tổng số phản ánh, kiến nghị đã tiếp nhận trong kỳ báo cáo, trong đó: Số tiếp nhận mới trong kỳ:.....; số từ kỳ trước chuyển qua:.....; số phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính:....; số phản ánh, kiến nghị về hành vi hành chính:....

- Số phản ánh, kiến nghị đã xử lý:....; trong đó số đã được đăng tải công khai:....

- Số phản ánh, kiến nghị đang xử lý:....

*Biểu số II.05a/VPCP/KSTT*

#### **6. Tình hình, kết quả giải quyết TTHC**

- Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trong kỳ báo cáo, trong đó: Số mới tiếp nhận trong kỳ:.... (trực tuyến:.....; trực tiếp và qua dịch vụ bưu chính:....); số từ kỳ trước chuyển qua:.....

- Số lượng hồ sơ đã giải quyết:.....; trong đó, giải quyết trước hạn:....., đúng hạn:....., quá hạn:....

- Số lượng hồ sơ đang giải quyết:.....; trong đó, trong hạn:....., quá hạn:.....

*Biểu số II.06a/VPCP/KSTT*

## **7. Triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC**

Tình hình, kết quả triển khai thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP: Công tác chỉ đạo và triển khai thực hiện; kết quả thực hiện (ngoài các nhiệm vụ chung trong các biểu mẫu số liệu, báo cáo thêm về nhiệm vụ riêng của từng đơn vị).

*Biểu số II.07b/VPCP/KSTT*

## **8. Thực hiện TTHC trên môi trường điện tử (Sở Thông tin và Truyền thông báo cáo nội dung này)**

- Tình hình, kết quả triển khai thực hiện Nghị định số 45/2020/NĐ-CP: Công tác chỉ đạo và triển khai thực hiện; kết quả thực hiện (ngoài các nhiệm vụ chung trong các biểu mẫu số liệu, báo cáo thêm về nhiệm vụ riêng của từng đơn vị).

- Việc ban hành Kế hoạch số hóa kết quả giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của bộ, cơ quan, địa phương còn hiệu lực và tình hình, kết quả tổ chức thực hiện nhiệm vụ theo Kế hoạch đã ban hành.

- Tình hình tích hợp dịch vụ công của bộ, cơ quan, UBND cấp tỉnh trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

*Biểu số II.08/VPCP/KSTT*

## **9. Truyền thông hỗ trợ hoạt động kiểm soát TTHC**

Các hình thức cụ thể đã thực hiện để quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về kiểm soát TTHC, cải cách TTHC.

## **10. Nghiên cứu, đề xuất sáng kiến cải cách TTHC**

## **11. Kiểm tra thực hiện kiểm soát TTHC**

- Số lần kiểm tra việc thực hiện kiểm soát TTHC; hình thức kiểm tra; kết quả kiểm tra.

- Việc khen thưởng cán bộ, công chức có thành tích, việc xử lý cán bộ, công chức vi phạm quy định về kiểm soát thực hiện TTHC.

## **12. Nội dung khác**

- Việc ban hành đồng bộ, cụ thể các chính sách, quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật gắn với việc giải quyết TTHC.

- Về công tác xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện văn bản triển khai nhiệm vụ trong nội bộ của bộ, ngành, địa phương (quy chế, kế hoạch...).

- Hoạt động đôn đốc, tập huấn hướng dẫn nghiệp vụ.

- ...

## **II. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

- Đánh giá chung về hiệu quả, mức độ hoàn thành công tác kiểm soát TTHC, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông, thực hiện TTHC trên môi trường điện tử của cơ quan. So sánh hiệu quả công tác kiểm soát TTHC kỳ này với kỳ trước.

- Đánh giá những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế trong công tác kiểm soát TTHC, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông, thực hiện TTHC trên môi trường điện tử:

+ Nêu cụ thể những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế tại cơ quan, đơn vị trực thuộc trong công tác này;

+ Phân tích rõ nguyên nhân chủ quan, khách quan của những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

### **III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CỦA KỶ TIẾP THEO<sup>3</sup>**

Nêu những định hướng, mục tiêu cơ bản, những giải pháp, nhiệm vụ cụ thể trong công kiểm soát TTHC, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông, thực hiện TTHC trên môi trường điện tử sẽ được tập trung thực hiện trong kỳ tiếp theo.

### **IV. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT**

- Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền nghiên cứu bổ sung, điều chỉnh chính sách, pháp luật về TTHC, kiểm soát TTHC, cơ chế một cửa, một cửa liên thông, thực hiện TTHC trên môi trường điện tử (nếu phát hiện có thiếu sót, bất cập);

- Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về TTHC, kiểm soát TTHC, cơ chế một cửa, một cửa liên thông, thực hiện TTHC trên môi trường điện tử (nếu có vướng mắc);

- Đề xuất các giải pháp, sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác kiểm soát TTHC, cơ chế một cửa, một cửa liên thông, thực hiện TTHC trên môi trường điện tử; khắc phục những khó khăn, vướng mắc;

- Nội dung cụ thể khác cần kiến nghị./.

<sup>3</sup> Kỳ tiếp theo được hiểu như sau: Đối với báo cáo quý là báo cáo quý sau, đối với báo cáo năm là năm sau.

**B. CÁC BIỂU MẪU SỐ LIỆU BÁO CÁO**

Biểu số II.01b/VPCP/KSTT

**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG  
CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC) TẠI ĐỊA PHƯƠNG**

Kỳ báo cáo: Quý.../Năm...  
(Từ ngày .../.../20... đến ngày .../.../20...)

- Đơn vị báo cáo:  
Sở Tư pháp.  
- Đơn vị nhận báo cáo:  
UBND tỉnh.

Đơn vị tính: TTHC, VB.

| STT       | Tên dự thảo văn bản QPPL<br>được đánh giá tác động của TTHC | Số lượng TTHC<br>đã được đánh giá tác động   |                                 |                                     |                        |                               | Số lượng TTHC được quy định<br>tại văn bản (sau khi ban hành) |                                                   |
|-----------|-------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|---------------------------------|-------------------------------------|------------------------|-------------------------------|---------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|
|           |                                                             | Tổng số<br>TTHC được<br>đánh giá tác<br>động | TTHC<br>được<br>quy định<br>mới | TTHC<br>được sửa<br>đổi, bổ<br>sung | TTHC<br>được bãi<br>bỏ | TTHC<br>được<br>giữ<br>nguyên | Tổng số<br>TTHC<br>được quy<br>định                           | Số, ký hiệu, ngày, tháng, năm<br>ban hành văn bản |
| (1)       | (2)                                                         | (3) = (4)+<br>(5)+(6)+(7)                    | (4)                             | (5)                                 | (6)                    | (7)                           | (8)                                                           | (9)                                               |
| <b>I</b>  | <b>Quyết định của UBND cấp tỉnh</b>                         |                                              |                                 |                                     |                        |                               |                                                               |                                                   |
| 1         | ...                                                         |                                              |                                 |                                     |                        |                               |                                                               |                                                   |
| ...       | ...                                                         |                                              |                                 |                                     |                        |                               |                                                               |                                                   |
| <b>II</b> | <b>Nghị quyết định của HĐND cấp tỉnh</b>                    |                                              |                                 |                                     |                        |                               |                                                               |                                                   |
| 1         | ...                                                         |                                              |                                 |                                     |                        |                               |                                                               |                                                   |
| ...       | ...                                                         |                                              |                                 |                                     |                        |                               |                                                               |                                                   |
|           | <b>TỔNG SỐ</b>                                              |                                              |                                 |                                     |                        |                               |                                                               |                                                   |

*Ghi chú: Đối với những dự thảo văn bản QPPL chưa được ban hành trong kỳ báo cáo, đề nghị cung cấp/ cập nhật thông tin (tên, số ký hiệu, thời gian ban hành văn bản; số lượng TTHC) tại các kỳ báo cáo kế tiếp.*

Biểu số II.02c/VPCP/KSTT

**KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH QUY ĐỊNH  
TẠI DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA ĐỊA PHƯƠNG**

Kỳ báo cáo: Quý.../Năm...  
(Từ ngày .../.../20... đến ngày .../.../20...)

- Đơn vị báo cáo:  
Sở Tư pháp  
- Đơn vị nhận báo cáo:  
UBND cấp tỉnh

Đơn vị tính: TTHC, VB.

| STT     | Tên cơ quan, đơn vị<br>chủ trì soạn thảo | Tổng số       |               | Số lượng TTHC được thẩm định<br>theo tên loại VBQPPL |                     |                     |                     |
|---------|------------------------------------------|---------------|---------------|------------------------------------------------------|---------------------|---------------------|---------------------|
|         |                                          |               |               | Quyết định của UBND                                  |                     | Nghị quyết của HĐND |                     |
|         |                                          | TTHC          | VBQPPL        | Số lượng<br>TTHC                                     | Số lượng<br>VB QPPL | Số lượng<br>TTHC    | Số lượng<br>VB QPPL |
| (1)     | (2)                                      | (3) = (5)+(7) | (4) = (6)+(8) | (5)                                                  | (6)                 | (7)                 | (8)                 |
| 1       | ...                                      |               |               |                                                      |                     |                     |                     |
| 2       | ...                                      |               |               |                                                      |                     |                     |                     |
| ...     | ...                                      |               |               |                                                      |                     |                     |                     |
| TỔNG SỐ |                                          |               |               |                                                      |                     |                     |                     |

**KẾT QUẢ CÔNG BỐ, CÔNG KHAI THỦ TỤC HÀNH CHÍNH  
TẠI ĐỊA PHƯƠNG**

**Kỳ báo cáo: Quý.../Năm...**  
(Từ ngày .../.../20... đến ngày .../.../20...)

**- Đơn vị báo cáo:**  
Cơ quan chuyên môn thuộc  
UBND cấp tỉnh;  
+ BQL KKT tỉnh; BQL KKT  
Phú Quốc.

**- Đơn vị nhận báo cáo:**  
UBND cấp tỉnh.

*Đơn vị tỉnh: TTHC, VB.*

## I. CÔNG BỐ DANH MỤC TTHC, CÔNG KHAI TTHC THUỘC THẨM QUYỀN BAN HÀNH CỦA TRUNG ƯƠNG

[illegible]

## II. CÔNG BỐ, CÔNG KHAI TTHC THUỘC THẨM QUYỀN BAN HÀNH CỦA ĐỊA PHƯƠNG

[illegible]

**Biểu số II.04/VPCP/KSTT**

## KẾT QUẢ RÀ SOÁT, ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

**Kỳ báo cáo: Quý.../Năm...**  
(*Từ ngày .../.../20... đến ngày .../.../20...*)

**- Đơn vị báo cáo:**  
Cơ quan chuyên môn thuộc  
UBND cấp tỉnh;  
+ BQL KKT tỉnh; BQL KKT  
Phủ Quốc.

**- Đơn vị nhận báo cáo:**  
UBND cấp tỉnh  
*Đơn vị tính: TTHC/nhóm TTHC,  
triệu đồng, %*

[illegible]

[illegible]

**Biểu số II.06a/VPCP/KSTT**

**TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH  
TẠI CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRỰC TIẾP GIẢI QUYẾT THỦ TỤC  
HÀNH CHÍNH**

**Kỳ báo cáo: Quý.../Năm...**  
(Từ ngày .../.../20... đến ngày .../.../20...)

**- Đơn vị báo cáo:**

+ Cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;

+ BQL KKT tỉnh; BQL KKT Phú Quốc.

**- Đơn vị nhận báo cáo:**

+ UBND tỉnh;

Đơn vị tính: Số hồ sơ TTHC.

[illegible]

Biểu số II.07b/VPCP/KSTT

**TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH  
VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN “4 TẠI CHỖ”  
TẠI BỘ PHẬN MỘT CỬA CỦA ĐỊA PHƯƠNG**

Kỳ báo cáo: Quý.../Năm...  
(Từ ngày .../.../20... đến ngày .../.../20...)

- Đơn vị báo cáo:  
+ Cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;  
+ BQL KKT tỉnh; BQL KKT Phú Quốc.  
- Đơn vị nhận báo cáo:  
+ UBND tỉnh;

Đơn vị tính: TTHC, %.

**I. SỐ LƯỢNG TTHC TRIỂN KHAI TẠI BỘ PHẬN MỘT CỬA**

| STT       | Lĩnh vực    | Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị | TTHC được thực hiện theo CCMC, MCLT | Quy trình nội bộ giải quyết TTHC theo CCMC, MCLT được ban hành |
|-----------|-------------|-----------------------------------------------------|-------------------------------------|----------------------------------------------------------------|
| (1)       | (2)         | (3)                                                 | (4)                                 | (5)                                                            |
| 1         | Lĩnh vực... |                                                     |                                     |                                                                |
| ...       | ....        |                                                     |                                     |                                                                |
| TỔNG CỘNG |             |                                                     |                                     |                                                                |

Biểu số II.08/VPCP/KSTT

**TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỦ TỤC HÀNH CHÍNH  
TRÊN MÔI TRƯỜNG ĐIỆN TỬ CỦA BỘ, CƠ QUAN, ĐỊA PHƯƠNG**

Kỳ báo cáo: Quý.../Năm...  
(Từ ngày .../.../20... đến ngày .../.../20...)

- Đơn vị báo cáo:  
+ Sở Thông tin và Truyền thông;  
- Đơn vị nhận báo cáo:  
+ UBND cấp tỉnh.

Đơn vị tính: hồ sơ TTHC.

| STT      | Lĩnh vực                                 | DVCTT mức độ 3 |                  |                             | DVCTT mức độ 4 |                  |                             | Tích hợp với<br>Cổng Dịch vụ<br>công quốc gia<br>(có=1;<br>không=0) |
|----------|------------------------------------------|----------------|------------------|-----------------------------|----------------|------------------|-----------------------------|---------------------------------------------------------------------|
|          |                                          | Được giao      | Đã<br>triển khai | Số lượng hồ sơ<br>phát sinh | Được giao      | Đã<br>triển khai | Số lượng hồ sơ<br>phát sinh |                                                                     |
| (1)      | (2)                                      | (3)            | (4)              | (5)                         | (6)            | (7)              | (8)                         | (8)                                                                 |
| <b>A</b> | <b>DVCTT DO THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ GIAO</b> |                |                  |                             |                |                  |                             |                                                                     |
| I        | CẤP TỈNH                                 |                |                  |                             |                |                  |                             |                                                                     |
| 1        | Lĩnh vực...                              |                |                  |                             |                |                  |                             |                                                                     |
| 1.1      | DVCTT...                                 |                |                  |                             |                |                  |                             |                                                                     |
| ...      | ...                                      |                |                  |                             |                |                  |                             |                                                                     |
| 2        | Lĩnh vực...                              |                |                  |                             |                |                  |                             |                                                                     |
| ...      | ...                                      |                |                  |                             |                |                  |                             |                                                                     |
| II       | CẤP HUYỆN                                |                |                  |                             |                |                  |                             |                                                                     |
| 1        | Lĩnh vực...                              |                |                  |                             |                |                  |                             |                                                                     |
| 1.1      | DVCTT...                                 |                |                  |                             |                |                  |                             |                                                                     |
| ...      | ...                                      |                |                  |                             |                |                  |                             |                                                                     |
| 2        | Lĩnh vực...                              |                |                  |                             |                |                  |                             |                                                                     |

| STT | Lĩnh vực                                            | DVCTT mức độ 3 |                  |                             | DVCTT mức độ 4 |                  |                             | Tích hợp với<br>Cổng Dịch vụ<br>công quốc gia<br>(có=1;<br>không=0) |
|-----|-----------------------------------------------------|----------------|------------------|-----------------------------|----------------|------------------|-----------------------------|---------------------------------------------------------------------|
|     |                                                     | Được giao      | Đã<br>triển khai | Số lượng hồ sơ<br>phát sinh | Được giao      | Đã<br>triển khai | Số lượng hồ sơ<br>phát sinh |                                                                     |
| (1) | (2)                                                 | (3)            | (4)              | (5)                         | (6)            | (7)              | (8)                         | (8)                                                                 |
| ... | ...                                                 |                |                  |                             |                |                  |                             |                                                                     |
| III | CẤP XÃ                                              |                |                  |                             |                |                  |                             |                                                                     |
| 1   | Lĩnh vực...                                         |                |                  |                             |                |                  |                             |                                                                     |
| 1.1 | DVCTT...                                            |                |                  |                             |                |                  |                             |                                                                     |
| ... | ...                                                 |                |                  |                             |                |                  |                             |                                                                     |
| 2   | Lĩnh vực...                                         |                |                  |                             |                |                  |                             |                                                                     |
| ... | ...                                                 |                |                  |                             |                |                  |                             |                                                                     |
| B   | DVCTT DO BỘ, CƠ QUAN, UBND TỈNH CHỦ ĐỘNG TRIỂN KHAI |                |                  |                             |                |                  |                             |                                                                     |
| I   | CẤP TỈNH                                            |                |                  |                             |                |                  |                             |                                                                     |
| 1   | Lĩnh vực...                                         |                |                  |                             |                |                  |                             |                                                                     |
| 1.1 | DVCTT...                                            |                |                  |                             |                |                  |                             |                                                                     |
| ... | ...                                                 |                |                  |                             |                |                  |                             |                                                                     |
| 2   | Lĩnh vực...                                         |                |                  |                             |                |                  |                             |                                                                     |
| ... | ...                                                 |                |                  |                             |                |                  |                             |                                                                     |
| II  | CẤP HUYỆN                                           |                |                  |                             |                |                  |                             |                                                                     |
| 1   | Lĩnh vực...                                         |                |                  |                             |                |                  |                             |                                                                     |
| 1.1 | DVCTT...                                            |                |                  |                             |                |                  |                             |                                                                     |

| STT | Lĩnh vực    | DVCTT mức độ 3 |                  |                             | DVCTT mức độ 4 |                  |                             | Tích hợp với<br>Cổng Dịch vụ<br>công quốc gia<br>(có=1;<br>không=0) |
|-----|-------------|----------------|------------------|-----------------------------|----------------|------------------|-----------------------------|---------------------------------------------------------------------|
|     |             | Được giao      | Đã<br>triển khai | Số lượng hồ sơ<br>phát sinh | Được giao      | Đã<br>triển khai | Số lượng hồ sơ<br>phát sinh |                                                                     |
| (1) | (2)         | (3)            | (4)              | (5)                         | (6)            | (7)              | (8)                         | (8)                                                                 |
| ... | ...         |                |                  |                             |                |                  |                             |                                                                     |
| 2   | Lĩnh vực... |                |                  |                             |                |                  |                             |                                                                     |
| ... | ...         |                |                  |                             |                |                  |                             |                                                                     |
| III | CẤP XÃ      |                |                  |                             |                |                  |                             |                                                                     |
| 1   | Lĩnh vực... |                |                  |                             |                |                  |                             |                                                                     |
| 1.1 | DVCTT...    |                |                  |                             |                |                  |                             |                                                                     |
| ... | ...         |                |                  |                             |                |                  |                             |                                                                     |
| 2   | Lĩnh vực... |                |                  |                             |                |                  |                             |                                                                     |
| ... | ...         |                |                  |                             |                |                  |                             |                                                                     |
|     | TỔNG CỘNG   |                |                  |                             |                |                  |                             |                                                                     |

## **Phụ lục II**

### **ĐỀ CƯƠNG, BIỂU MẪU SỐ LIỆU BÁO CÁO CÔNG TÁC KIỂM SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, TRIỂN KHAI CƠ CHẾ MỘT CỬA, MỘT CỬA LIÊN THÔNG VÀ THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRÊN MÔI TRƯỜNG ĐIỆN TỬ**

*(Ban hành kèm theo Công văn số: 99 /UBND-HCC ngày 27 tháng 01 năm 2021  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)*

#### **A. ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO**

Mẫu: IL.01-ĐC/VPCP/KSTT

#### **ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO CÔNG TÁC KIỂM SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, TRIỂN KHAI CƠ CHẾ MỘT CỬA, MỘT CỬA LIÊN THÔNG VÀ THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRÊN MÔI TRƯỜNG ĐIỆN TỬ**

- Đơn vị báo cáo:  
+ UBND cấp huyện;  
- Đơn vị nhận báo cáo:  
+ Văn phòng UBND tỉnh.

#### **I. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ KIỂM SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC)**

##### **1. Công khai TTHC, danh mục TTHC**

Tổng số TTHC/danh mục TTHC được được công khai.....

- Ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung (*công khai*): .....

- Bãi bỏ hoặc thay thế (*không công khai*): .....

Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan:.....; trong đó: số TTHC do Trung ương quy định:.....; số TTHC do địa phương quy định:....

##### **2. Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định, TTHC**

- Tổng số phản ánh, kiến nghị đã tiếp nhận trong kỳ báo cáo, trong đó: Số tiếp nhận mới trong kỳ:.....; số từ kỳ trước chuyển qua:.....; số phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính:....; số phản ánh, kiến nghị về hành vi hành chính:....

- Số phản ánh, kiến nghị đã xử lý:....; trong đó số đã được đăng tải công khai:....

- Số phản ánh, kiến nghị đang xử lý:....

*Biểu số IL.05a/VPCP/KSTT*

##### **3. Tình hình, kết quả giải quyết TTHC**

- Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trong kỳ báo cáo, trong đó: Số mới tiếp nhận trong kỳ:.... (trực tuyến:.....; trực tiếp và qua dịch vụ bưu chính:....); số từ kỳ trước chuyển qua:.....

- Số lượng hồ sơ đã giải quyết:....; trong đó, giải quyết trước hạn:...., đúng hạn:...., quá hạn:....

- Số lượng hồ sơ đang giải quyết:.....; trong đó, trong hạn:....., quá hạn:.....

*Biểu số II.06a/VPCP/KSTT; Biểu số II.06b/VPCP/KSTT*

#### **4. Triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC**

Tình hình, kết quả triển khai thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP: Công tác chỉ đạo và triển khai thực hiện; kết quả thực hiện (ngoài các nhiệm vụ chung trong các biểu mẫu số liệu, báo cáo thêm về nhiệm vụ riêng của từng đơn vị).

*Biểu số II.07b/VPCP/KSTT*

#### **5. Truyền thông hỗ trợ hoạt động kiểm soát TTHC**

Các hình thức cụ thể đã thực hiện để quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về kiểm soát TTHC, cải cách TTHC.

#### **6. Nghiên cứu, đề xuất sáng kiến cải cách TTHC**

#### **7. Kiểm tra thực hiện kiểm soát TTHC**

- Số lần kiểm tra việc thực hiện kiểm soát TTHC; hình thức kiểm tra; kết quả kiểm tra.

- Việc khen thưởng cán bộ, công chức có thành tích, việc xử lý cán bộ, công chức vi phạm quy định về kiểm soát thực hiện TTHC.

#### **8. Nội dung khác**

- Việc ban hành đồng bộ, cụ thể các chính sách, quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật gắn với việc giải quyết TTHC.

- Về công tác xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện văn bản triển khai nhiệm vụ trong nội bộ của bộ, ngành, địa phương (quy chế, kế hoạch...).

- Hoạt động đôn đốc, tập huấn hướng dẫn nghiệp vụ.

- ...

### **II. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

- Đánh giá chung về hiệu quả, mức độ hoàn thành công tác kiểm soát TTHC, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông, thực hiện TTHC trên môi trường điện tử của cơ quan. So sánh hiệu quả công tác kiểm soát TTHC kỳ này với kỳ trước.

- Đánh giá những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế trong công tác kiểm soát TTHC, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông, thực hiện TTHC trên môi trường điện tử:

+ Nêu cụ thể những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế tại cơ quan, đơn vị trực thuộc trong công tác này;

+ Phân tích rõ nguyên nhân chủ quan, khách quan của những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

### **III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CỦA KỶ TIẾP THEO<sup>1</sup>**

Nêu những định hướng, mục tiêu cơ bản, những giải pháp, nhiệm vụ cụ thể trong công kiểm soát TTHC, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông, thực hiện TTHC trên môi trường điện tử sẽ được tập trung thực hiện trong kỳ tiếp theo.

### **IV. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT**

- Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền nghiên cứu bổ sung, điều chỉnh chính sách, pháp luật về TTHC, kiểm soát TTHC, cơ chế một cửa, một cửa liên thông, thực hiện TTHC trên môi trường điện tử (nếu phát hiện có thiếu sót, bất cập);

- Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về TTHC, kiểm soát TTHC, cơ chế một cửa, một cửa liên thông, thực hiện TTHC trên môi trường điện tử (nếu có vướng mắc);

- Đề xuất các giải pháp, sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác kiểm soát TTHC, cơ chế một cửa, một cửa liên thông, thực hiện TTHC trên môi trường điện tử; khắc phục những khó khăn, vướng mắc;

- Nội dung cụ thể khác cần kiến nghị./.

---

<sup>1</sup> Kỳ tiếp theo được hiểu như sau: Đối với báo cáo quý là báo cáo quý sau, đối với báo cáo năm là năm sau.

## B. CÁC BIỂU MẪU SỐ LIỆU BÁO CÁO

**Biểu số II.05a/VPCP/KSTT**

**KẾT QUẢ XỬ LÝ PHẢN ÁNH, KIẾN NGHỊ (PAKN)  
VỀ QUY ĐỊNH HÀNH CHÍNH VÀ HÀNH VI HÀNH CHÍNH  
TẠI CƠ QUAN, ĐƠN VỊ**

**Kỳ báo cáo: Quý.../Năm...**  
(Từ ngày .../.../20... đến ngày .../.../20...)

**- Đơn vị báo cáo:**

- + Cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện;
- + UBND cấp huyện

**- Đơn vị nhận báo cáo:**

+ UBND cấp huyện, tỉnh.

Đơn vị tính: SỐ PAKN.

[illegible]

**Biểu số II.06a/VPCP/KSTT**

**TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH  
TẠI CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRỰC TIẾP GIẢI QUYẾT THỦ TỤC  
HÀNH CHÍNH**

**Kỳ báo cáo: Quý.../Năm...**  
(Từ ngày .../.../20... đến ngày .../.../20...)

**- Đơn vị báo cáo:**

+ Cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện.

**- Đơn vị nhận báo cáo:**

+ UBND cấp huyện.

Đơn vị tính: Số hồ sơ TTHC.

[illegible]

**Kỳ báo cáo: Quý.../Năm...**  
(Từ ngày .../.../20... đến ngày .../.../20...)

**- Đơn vị báo cáo:**  
UBND cấp huyện.

**- Đơn vị nhận báo cáo:**  
UBND cấp tỉnh.

*Đơn vị tính: Số hồ sơ TTHC.*

[illegible]

Biểu số IL.07b/VPCP/KSTT

**TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH  
VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN “4 TẠI CHỖ”  
TẠI BỘ PHẬN MỘT CỬA CỦA ĐỊA PHƯƠNG**

Kỳ báo cáo: Quý.../Năm...  
(Từ ngày .../.../20... đến ngày .../.../20...)

- Đơn vị báo cáo:  
+ UBND cấp huyện.  
- Đơn vị nhận báo cáo:  
UBND cấp tỉnh.

Đơn vị tính: TTHC, %.

**I. SỐ LƯỢNG TTHC TRIỂN KHAI TẠI BỘ PHẬN MỘT CỬA**

| STT       | Lĩnh vực    | Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương |           |        | TTHC được thực hiện theo CCMC, MCLT |                    |                 | Quy trình nội bộ giải quyết TTHC theo CCMC, MCLT được ban hành |           |        |
|-----------|-------------|---------------------------------------------------------|-----------|--------|-------------------------------------|--------------------|-----------------|----------------------------------------------------------------|-----------|--------|
|           |             | Tổng số TTHC                                            | Cấp huyện | Cấp xã | Tổng số TTHC                        | Tại BPMC cấp huyện | Tại BPMC cấp xã | Tổng số quy trình                                              | Cấp huyện | Cấp xã |
| (1)       | (2)         | (3)=(4)+(5)                                             | (4)       | (5)    | (6)=(7)+(8)                         | (7)                | (8)             | (9)=(10)+(11)                                                  | (10)      | (11)   |
| 1         | Lĩnh vực... |                                                         |           |        |                                     |                    |                 |                                                                |           |        |
| ...       | ....        |                                                         |           |        |                                     |                    |                 |                                                                |           |        |
| TỔNG CỘNG |             |                                                         |           |        |                                     |                    |                 |                                                                |           |        |

**II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN “4 TẠI CHỖ” TẠI BỘ PHẬN MỘT CỬA CẤP TỈNH, HUYỆN**

| STT       | Lĩnh vực    | Cấp huyện     |       |
|-----------|-------------|---------------|-------|
|           |             | Số lượng TTHC | Tỷ lệ |
| (1)       | (2)         | (3)           | (4)   |
| 1         | Lĩnh vực... |               |       |
| ...       | ....        |               |       |
| TỔNG CỘNG |             |               |       |

### Phụ lục III

## **ĐỀ CƯƠNG, BIỂU MẪU SỔ LIỆU BÁO CÁO CÔNG TÁC KIỂM SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, TRIỂN KHAI CƠ CHẾ MỘT CỬA, MỘT CỬA LIÊN THÔNG VÀ THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRÊN MÔI TRƯỜNG ĐIỆN TỬ**

*(Ban hành kèm theo Công văn số: 99 /UBND-HCC ngày 27 tháng 01 năm 2021  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)*

### **A. ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO**

Mẫu: II.01-ĐC/VPCP/KSTT

#### **ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO CÔNG TÁC KIỂM SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, TRIỂN KHAI CƠ CHẾ MỘT CỬA, MỘT CỬA LIÊN THÔNG VÀ THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRÊN MÔI TRƯỜNG ĐIỆN TỬ**

- Đơn vị báo cáo<sup>1</sup>:
  - + UBND cấp xã;
  - + Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện;
- Đơn vị nhận báo cáo:
  - + UBND cấp huyện.

### **I. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ KIỂM SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC)**

#### **1. Công khai TTHC, danh mục TTHC**

Tổng số TTHC/danh mục TTHC được được công khai.....

- Ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung (*công khai*): .....

- Bãi bỏ hoặc thay thế (*không công khai*): .....

Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, đơn vị:.....; trong đó: số TTHC do Trung ương quy định:.....; số TTHC do địa phương quy định:....

#### **2. Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định, TTHC**

- Tổng số phản ánh, kiến nghị đã tiếp nhận trong kỳ báo cáo, trong đó: Số tiếp nhận mới trong kỳ:.....; số từ kỳ trước chuyển qua:.....; số phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính:....; số phản ánh, kiến nghị về hành vi hành chính:....

- Số phản ánh, kiến nghị đã xử lý:....; trong đó số đã được đăng tải công khai:....

- Số phản ánh, kiến nghị đang xử lý:....

*Biểu số II.05a/VPCP/KSTT*

#### **3. Tình hình, kết quả giải quyết TTHC**

<sup>1</sup> Các Sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh, BQL KKT tỉnh, BQL KKT Phú Quốc báo cáo UBND tỉnh và không thực hiện báo cáo đối với các mục không thuộc chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trong kỳ báo cáo, trong đó: Số mới tiếp nhận trong kỳ:.... (trực tuyến:....; trực tiếp và qua dịch vụ bưu chính:....); số từ kỳ trước chuyển qua:....

- Số lượng hồ sơ đã giải quyết:....; trong đó, giải quyết trước hạn:...., đúng hạn:...., quá hạn:....

- Số lượng hồ sơ đang giải quyết:.....; trong đó, trong hạn:....., quá hạn:.....

*Biểu số II.06a/VPCP/KSTT*

#### **4. Triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC**

Tình hình, kết quả triển khai thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP: Công tác chỉ đạo và triển khai thực hiện; kết quả thực hiện (ngoài các nhiệm vụ chung trong các biểu mẫu số liệu, báo cáo thêm về nhiệm vụ riêng của từng đơn vị).

*Biểu số II.07b/VPCP/KSTT*

#### **5. Truyền thông hỗ trợ hoạt động kiểm soát TTHC**

Các hình thức cụ thể đã thực hiện để quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về kiểm soát TTHC, cải cách TTHC.

#### **6. Nghiên cứu, đề xuất sáng kiến cải cách TTHC**

#### **7. Kiểm tra thực hiện kiểm soát TTHC**

- Số lần kiểm tra việc thực hiện kiểm soát TTHC; hình thức kiểm tra; kết quả kiểm tra.

- Việc khen thưởng cán bộ, công chức có thành tích, việc xử lý cán bộ, công chức vi phạm quy định về kiểm soát thực hiện TTHC.

#### **8. Nội dung khác**

- Việc ban hành đồng bộ, cụ thể các chính sách, quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật gắn với việc giải quyết TTHC.

- Về công tác xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện văn bản triển khai nhiệm vụ trong nội bộ của đơn vị, địa phương (quy chế, kế hoạch...).

- Hoạt động đôn đốc, tập huấn hướng dẫn nghiệp vụ.

- ...

### **II. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

- Đánh giá chung về hiệu quả, mức độ hoàn thành công tác kiểm soát TTHC, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông, thực hiện TTHC trên môi trường điện tử của cơ quan. So sánh hiệu quả công tác kiểm soát TTHC kỳ này với kỳ trước.

- Đánh giá những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế trong công tác kiểm soát TTHC, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông, thực hiện TTHC trên môi trường điện tử:

+ Nêu cụ thể những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế tại cơ quan, đơn vị trực thuộc trong công tác này;

+ Phân tích rõ nguyên nhân chủ quan, khách quan của những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

### **III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CỦA KỲ TIẾP THEO<sup>2</sup>**

Nêu những định hướng, mục tiêu cơ bản, những giải pháp, nhiệm vụ cụ thể trong công kiểm soát TTHC, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông, thực hiện TTHC trên môi trường điện tử sẽ được tập trung thực hiện trong kỳ tiếp theo.

### **IV. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT**

- Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền nghiên cứu bổ sung, điều chỉnh chính sách, pháp luật về TTHC, kiểm soát TTHC, cơ chế một cửa, một cửa liên thông, thực hiện TTHC trên môi trường điện tử (nếu phát hiện có thiếu sót, bất cập);

- Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về TTHC, kiểm soát TTHC, cơ chế một cửa, một cửa liên thông, thực hiện TTHC trên môi trường điện tử (nếu có vướng mắc);

- Đề xuất các giải pháp, sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác kiểm soát TTHC, cơ chế một cửa, một cửa liên thông, thực hiện TTHC trên môi trường điện tử; khắc phục những khó khăn, vướng mắc;

- Nội dung cụ thể khác cần kiến nghị./.

---

<sup>2</sup> Kỳ tiếp theo được hiểu như sau: Đối với báo cáo quý là báo cáo quý sau, đối với báo cáo năm là năm sau.

## B. CÁC BIỂU MẪU SỐ LIỆU BÁO CÁO

**Biểu số II.05a/VPCP/KSTT**

**KẾT QUẢ XỬ LÝ PHẢN ÁNH, KIẾN NGHỊ (PAKN)  
VỀ QUY ĐỊNH HÀNH CHÍNH VÀ HÀNH VI HÀNH CHÍNH  
TẠI CƠ QUAN, ĐƠN VỊ**

**- Đơn vị báo cáo:**

+ UBND cấp xã

**- Đơn vị nhận báo cáo:**

+ UBND cấp huyện,

**Kỳ báo cáo: Quý.../Năm...**  
(Từ ngày .../.../20... đến ngày .../.../20...)

Đơn vị tính: Số PAKN.

[illegible]

**TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH  
TẠI CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRỰC TIẾP GIẢI QUYẾT THỦ TỤC  
HÀNH CHÍNH**

**- Đơn vị báo cáo:**

+ UBND cấp xã,

**- Đơn vị nhận báo cáo:**

+ UBND cấp huyện.

**Kỳ báo cáo: Quý.../Năm...**

(Từ ngày .../.../20... đến ngày .../.../20...)

Đơn vị tính: Số hồ sơ TTHC.

[illegible]

Biểu số IL.07b/VPCP/KSTT

**TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH  
VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN “4 TẠI CHỖ”  
TẠI BỘ PHẬN MỘT CỬA CỦA ĐỊA PHƯƠNG**

Kỳ báo cáo: Quý.../Năm...  
(Từ ngày .../.../20... đến ngày .../.../20...)

- Đơn vị báo cáo:

UBND cấp xã.

- Đơn vị nhận báo cáo:

UBND cấp xã.

Đơn vị tính: TTHC, %.

**I. SỐ LƯỢNG TTHC TRIỂN KHAI TẠI BỘ PHẬN MỘT CỬA**

| STT       | Lĩnh vực    | Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương | TTHC được thực hiện theo CCMC, MCLT | Quy trình nội bộ giải quyết TTHC theo CCMC, MCLT được ban hành |
|-----------|-------------|---------------------------------------------------------|-------------------------------------|----------------------------------------------------------------|
| (1)       | (2)         | (3)                                                     | (4)                                 | (5)                                                            |
| 1         | Lĩnh vực... |                                                         |                                     |                                                                |
| ...       | ....        |                                                         |                                     |                                                                |
| TỔNG CỘNG |             |                                                         |                                     |                                                                |